

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung danh mục kỹ thuật đối với Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Lào Cai

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Lào Cai;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Lào Cai thuộc trường hợp bổ sung danh mục kỹ thuật (Mã hồ sơ: 000.00.17.H38-250224-0001);

Căn cứ Biên bản xét duyệt ngày 28/3/2025 của Tổ xét duyệt điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Lào Cai, cụ thể:

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Lào Cai.

Giấy phép hoạt động đã cấp số: 03/LCA-GPHĐ.

Hình thức tổ chức: Bệnh viện chuyên khoa.

Quy mô: 320 giường bệnh.

Lý do điều chỉnh điều chỉnh giấy phép hoạt động: Bổ sung 53 kỹ thuật quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BYT (có Phụ lục gửi kèm).

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm tổ chức phân công, triển khai thực hiện các danh mục kỹ thuật được Sở Y tế phê duyệt theo đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BGĐ Sở Y tế;
- Bộ phận Một cửa Sở Y tế, TT Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Hương

Phụ lục
DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI
BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH LÀO CAI

STT	STT TT23	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	13425	13.100	13. PHỤ SẢN	Đặt mảnh ghép tổng hợp điều trị sa tạng vùng chậu
2	13431	13.106	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật tạo hình tử cung (Strassman, Jones)
3	13432	13.107	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)
4	13433	13.108	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)
5	13459	13.134	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật TOT điều trị són tiểu
6	13460	13.135	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật TVT điều trị són tiểu
7	13501	13.176	13. PHỤ SẢN	Cắt âm hộ + vét hạch bẹn hai bên
8	13528	13.203	13. PHỤ SẢN	Hỗ trợ phôi nở
9	13531	13.206	13. PHỤ SẢN	Nuôi cấy noãn chưa trưởng thành
10	13532	13.207	13. PHỤ SẢN	Nuôi cấy phôi
11	13533	13.208	13. PHỤ SẢN	Trữ lạnh phôi, noãn
12	13534	13.209	13. PHỤ SẢN	Rã đông phôi, noãn
13	13535	13.210	13. PHỤ SẢN	Trữ lạnh tinh trùng
14	13536	13.211	13. PHỤ SẢN	Rã đông tinh trùng
15	13537	13.212	13. PHỤ SẢN	Chọc hút tinh hoàn, mào tinh hoàn lấy tinh trùng
16	13538	13.213	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật lấy tinh trùng
17	13539	13.214	13. PHỤ SẢN	Tiêm tinh trùng vào bào tương của noãn (ICSI)
18	13540	13.215	13. PHỤ SẢN	Chuyển phôi, giao tử vào vòi tử cung (ZIFT, GIFT)
19	13541	13.216	13. PHỤ SẢN	Sinh thiết phôi chẩn đoán
20	13542	13.217	13. PHỤ SẢN	Sinh thiết tinh hoàn, mào tinh
21	13567	BS_13.242	13. PHỤ SẢN	Theo dõi tim thai
22	13568	BS_13.243	13. PHỤ SẢN	Cắt tử cung đường dưới
23	13571	BS_13.246	13. PHỤ SẢN	Truyền dịch vào buồng ối
24	13572	BS_13.247	13. PHỤ SẢN	Ứng dụng kỹ thuật quang điện (Truscreen) trong phát hiện ung thư cổ tử cung
25	13573	BS_13.248	13. PHỤ SẢN	Cây - tháo thuốc tránh thai
26	13574	BS_13.249	13. PHỤ SẢN	Chọc hút tinh hoàn mào tinh hoàn lấy tinh trùng hoặc sinh thiết tinh hoàn, mào tinh hoàn
27	13575	BS_13.250	13. PHỤ SẢN	Chuyển phôi hoặc chuyển phôi giao tử vào vòi tử cung

28	13577	BS_13.252	13. PHỤ SẢN	Sinh thiết phôi chẩn đoán (Sinh thiết phôi bảo cho chẩn đoán di truyền tiền lâm tổ (Biopsy-PGS)/cho 1 người bệnh)
29	13579	BS_13.254	13. PHỤ SẢN	Gây mê trong thủ thuật chọc hút trứng
30	13580	BS_13.255	13. PHỤ SẢN	Gây mê trong thủ thuật sinh thiết mào tinh hoàn
31	13581	BS_13.256	13. PHỤ SẢN	Gây mê trong phẫu thuật Rokitansky
32	13582	BS_13.257	13. PHỤ SẢN	Gây mê trong phẫu thuật treo tử cung vào móm nhô
33	13583	BS_13.258	13. PHỤ SẢN	Gây mê giảm thiểu thai
34	13584	BS_13.259	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đỡ đẻ trên người bệnh nhiễm khuẩn nặng, HPV, HIV, viêm gan nặng, ...
35	13585	BS_13.260	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng cổ tử cung gây chuyển dạ
36	13586	BS_13.261	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng buồng tử cung cầm máu sau đẻ
37	13587	BS_13.262	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng âm đạo cầm máu sau đẻ
38	13588	BS_13.263	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng ống cổ tử cung trong cầm máu chưa ống cổ tử cung
39	13589	BS_13.264	13. PHỤ SẢN	Bơm dịch vào buồng tử cung điều trị thiếu ối
40	13590	BS_13.265	13. PHỤ SẢN	Chọc hút dịch nang tồn dư
41	13591	BS_13.266	13. PHỤ SẢN	Cấy tinh trùng vào noãn (IVF)
42	13592	BS_13.267	13. PHỤ SẢN	Công thức NST từ tế bào gai rau
43	13593	BS_13.268	13. PHỤ SẢN	Xác định đứt gãy DNA của tinh trùng
44	13594	BS_13.269	13. PHỤ SẢN	QF-PCR chẩn đoán nhiễm sắc thể 13, 18, 21, XY
45	13595	BS_13.270	13. PHỤ SẢN	Thu thập mô cuống rốn
46	13596	BS_13.271	13. PHỤ SẢN	Xử lý mô cuống rốn
47	13597	BS_13.272	13. PHỤ SẢN	Rã đông mô cuống rốn
48	13598	BS_13.273	13. PHỤ SẢN	Phân lập tế bào gốc từ mô cuống rốn
49	13599	BS_13.274	13. PHỤ SẢN	Lưu trữ tua yếu tố VIII
50	13600	BS_13.275	13. PHỤ SẢN	Lưu trữ đông lạnh sâu tế bào máu
51	13601	BS_13.276	13. PHỤ SẢN	Lưu trữ huyết tương tươi đông lạnh
52	13602	BS_13.277	13. PHỤ SẢN	Lưu trữ khối tiểu cầu
53	13603	BS_13.278	13. PHỤ SẢN	Lưu trữ máu toàn phần, khối hồng cầu